

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DSPT  
Ngày: 19/5/2020  
V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tính.

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Đức Năm.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham dự phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLPT-DS ngày 19/02/2020 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Từ S, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2020/QĐ - PT ngày 08/4/2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:***

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1938 (vắng mặt).

2. Ông Lê Văn M, sinh năm 1943 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Chủ Văn C, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng trú tại: Khu phố Thanh N, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN.

***- Bị đơn:***

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949 (có mặt).

Trú tại: Khu phố Đại Đ, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN.

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1955 (đã chết).

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X:*

- Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1955; trú tại: Khu phố Thanh B, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN (vắng mặt).

- Chị Ngô Thị T, sinh năm 1977; trú tại: Khu phố N, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN (vắng mặt).

- Chị Ngô Thị C, sinh năm 1981; trú tại: trú tại: Khu phố N, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN (vắng mặt).

- Chị Ngô Thị M, sinh năm 1983; trú tại: trú tại: Khu phố Tân T, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN (vắng mặt).

- Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1986; trú tại: trú tại: trú tại: Khu phố Thanh N, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN (vắng mặt).

- Chị Ngô Thị Đ, sinh năm 1988; trú tại: trú tại: Khu phố Thanh N, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN (vắng mặt).

- Chị Ngô Thị T, sinh năm 1991; trú tại: Khu phố Thanh B, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN (có mặt).

Ông Đ, chị T, chị C, chị M, chị Định, chị Đ ủy quyền cho chị Ngõ Thị T đại diện tham gia tố tụng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là Bà Nguyễn Thị C.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cụ Nguyễn Thị M và cụ Lê Văn B sinh được hai người con là Bà Lê Thị H và Ông Lê Văn M. Năm 1946 cụ B chết, cụ Nguyễn Thị M chung sống với cụ Nguyễn Văn M và sinh được hai người con là Bà Nguyễn Thị C và Bà Nguyễn Thị X. Năm 1984 cụ Nguyễn Văn M chết. Các cụ không có con nuôi.

Năm 1992, Hợp tác xã chia lại ruộng đất nông nghiệp, cụ Nguyễn Thị M được chia 01 thửa ruộng ở xứ đồng Cầu Mới thuộc Khu phố Thanh N, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN, diện tích là 336m<sup>2</sup>. Ngày 21/10/1999, cụ M đã được UBND huyện Từ S (nay là UBND thị xã Từ S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) nông nghiệp đối với thửa ruộng đã được chia là thửa số 239 (5) tờ bản đồ số 3 có diện tích 336m<sup>2</sup>.

Ngày 21/12/2003, cụ Nguyễn Thị M chết, không để lại di chúc. Tài sản của cụ M để lại là quyền sử dụng đất nông nghiệp thửa đất số 239 (5) mang tên cụ Nguyễn Thị M. Thửa đất trên cụ M đã giao cho bà H và ông M cấy lúa. Bà H và ông M vẫn thực hiện nghĩa vụ đóng sản phẩm hàng năm với Nhà nước.

Năm 2013, Nhà nước thu hồi thửa đất số 239 (5) và đền bù giá trị bằng tiền là 298.600.000đ. Công ty Nam Hồng trúng thầu xây dựng dự án nên đã trực tiếp chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho Bà Nguyễn Thị C. Bà C nhận tiền đền bù

khi chưa có sự thống nhất của những người thừa kế. Sau khi nhận tiền về Bà C không chia khoản tiền này cho Bà Lê Thị H và Ông Lê Văn M, mà lại đưa tiền cho anh Nguyễn Văn Vinh là cháu ruột của cụ M và bà Xuân. Vì vậy bà H và ông M đề nghị chia thừa kế đối với số tiền 298.600.000đ, buộc Bà C phải trích chia số tiền đã nhận cho bà H và ông M theo tỷ phần mỗi người  $\frac{1}{4}$  số tiền được đền bù từ di sản của cụ Nguyễn Thị M là quyền sử dụng thửa đất số 239.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của phía nguyên đơn về quan hệ huyết thống, những người thừa kế và di sản của cụ Nguyễn Thị M là thửa đất số 239 (5). Năm 2013, Công ty Nam Hồng trực tiếp chi trả cho bà số tiền 298.600.000đ để đền bù thửa đất số 239 (5) của cụ Nguyễn Thị M. Sau khi nhận số tiền trên, bà đã chia cho bà Xuân 119.300.000đ; chia cho ông Nguyễn Văn Vinh (là cháu ruột cụ Nguyễn Văn M là người thờ tự cho cụ M) số tiền 60.000.000đ và bà giữ lại số tiền 119.300.000đ. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà H, ông M, bà không đồng ý vì trước khi cụ Nguyễn Thị M chết thì bà H và ông M đã bỏ mặc cụ M, không quan tâm chăm sóc cụ M nên bà cho rằng bà H và ông M không được hưởng thừa kế từ di sản của cụ M để lại là quyền sử dụng đất thửa đất số 239 (5). Bà cho rằng chỉ có bà, Bà Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Văn Vinh là người trực tiếp chăm sóc cụ Nguyễn Thị M mới được chia thừa kế. Bà không yêu cầu trích chia công sức chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ, lo ma cho cụ M.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Xuân là ông Ngô Văn Đ, Chị Ngô Thị T, Chị Ngô Thị C, Chị Ngô Thị M, Chị Ngô Thị Đ, Chị Ngô Thị T trình bày: Khi Bà Nguyễn Thị X mất, không để lại di chúc, không dặn dò gì cho gia đình, do đó việc Bà Lê Thị H, Ông Lê Văn M, Bà Nguyễn Thị C trình bày và có yêu cầu nêu trên, Ông Đ và các chị xác định không có liên quan vì không biết được nội dung sự việc thế nào.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Bà Lê Thị H và Ông Lê Văn M. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M khi chết có để lại là quyền sử dụng đất nông nghiệp thửa số 239 đã được thu hồi và đền bù bằng số tiền là 298.600.000đ.

Buộc Bà Nguyễn Thị C phải trích trả cho Bà Lê Thị H số tiền 74.650.000đ, Ông Lê Văn M số tiền 74.650.000đ.

Giao cho Bà Nguyễn Thị C tạm thời quản lý số tiền của Bà Nguyễn Thị X.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2019, Bà Nguyễn Thị C kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bà Nguyễn Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cụ Nguyễn Thị M và cụ Lê Văn B sinh được hai người con là Bà Lê Thị H và Ông Lê Văn M. Năm 1946 cụ B chết, cụ Nguyễn Thị M chung sống với cụ Nguyễn Văn M và sinh được hai người con là Bà Nguyễn Thị C và Bà Nguyễn Thị X. Năm 1984 cụ Nguyễn Văn M chết. Các cụ không có con nuôi. Năm 1992, Hợp tác xã chia lại ruộng đất nông nghiệp, cụ Nguyễn Thị M được chia 01 thửa ruộng số 239 (5). Ngày 21/10/1999, cụ Nguyễn Thị M được cấp GCNQSDĐ nông nghiệp đối với thửa đất (thời điểm này cụ sống một mình). Ngày 21/12/2003, cụ Nguyễn Thị M chết không để lại di chúc. Năm 2013, Nhà nước thu hồi thửa 239 (5) và đền bù số tiền là 298.600.000đ, Bà Nguyễn Thị C đã trực tiếp nhận số tiền này khi chưa có sự thống nhất của những người thừa kế và không chia cho Bà Lê Thị H, Ông Lê Văn M.

Như vậy, ngày 21/12/2003 cụ Nguyễn Thị M chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị M gồm bốn người là: Bà Lê Thị H, Ông Lê Văn M, Bà Nguyễn Thị C và Bà Nguyễn Thị X.

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M là quyền sử dụng thửa đất số 239 (5), tờ bản đồ số 3 diện tích 336m<sup>2</sup> thuộc xứ đồng Cầu Mới, Khu phố Thanh N, phường Đồng K, thị xã Từ S, BN, nay Nhà nước đã thu hồi và đền bù bằng số tiền 298.600.000đ. Số tiền này Bà C đã nhận nhưng những người thừa kế của cụ Nguyễn Thị M chưa thống nhất phân chia. Do vậy, bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M là quyền sử dụng thửa đất số 239 (5), nay Nhà nước thu hồi và đền bù giá trị bằng tiền là 298.600.000đ, số tiền này Bà Nguyễn Thị C đã trực tiếp nhận của

Công ty Nam Hồng nên buộc Bà C phải trích chia cho Bà Lê Thị H và Ông Lê Văn M, mỗi người bằng  $\frac{1}{4}$  kỷ phần thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị M 74.650.000đ (298.6000.000đ : 4 = 74.650.000đ) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của Bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, Bà Nguyễn Thị C kháng cáo không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà, Hội đồng xét xử thấy Bà C đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập họp lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt bà là đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, Bà Nguyễn Thị C cho rằng Ông Lê Văn M và Bà Lê Thị H không có công sức đóng góp, chăm sóc nuôi dưỡng, lo ma cho cụ M. Hội đồng xét xử thấy tại cấp sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm hôm nay Bà C không đưa ra được căn cứ chứng minh ông M và bà H vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 621 Bộ luật Dân sự; đối với nghĩa vụ mai táng, lo ma cho người để lại di sản là cụ Nguyễn Thị M thì đây cũng không thuộc trường hợp “không được quyền hưởng di sản” theo quy định tại Điều 621 Bộ luật Dân sự. Về nội dung kháng cáo này, tại phiên tòa phúc thẩm Ông Chủ Văn C là người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn xác định lời trình bày của Bà C không đúng, khi cụ Nguyễn Thị M chết thì ông M là con trai cụ đã cùng con cháu đứng ra lo mai táng cho cụ. Như vậy, kháng cáo của Bà Nguyễn Thị C là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, Bà C là người cao tuổi nên miễn án phí phúc thẩm cho Bà C.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, không chấp nhận kháng cáo của Bà Nguyễn Thị C, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của Bà Lê Thị H và Ông Lê Văn M.

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị M là quyền sử dụng đất nông nghiệp thửa số 239 (5), tờ bản đồ số 3, diện tích 336m<sup>2</sup> tại xứ đồng Cầu Mới thuộc Khu phố Thanh N, phường Đồng K, thị xã Từ S, tỉnh BN, đã được thu hồi và đền

bù bằng số tiền là 298.600.000đ (Hai trăm chín mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Buộc Bà Nguyễn Thị C phải trích trả cho Bà Lê Thị H và Ông Lê Văn M, mỗi người 74.650.000đ (Bảy mươi tư triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Giao cho Bà Nguyễn Thị C tạm thời quản lý kỷ phần của Bà Nguyễn Thị X.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Bà Lê Thị H, Ông Lê Văn M. Trả lại bà H và ông M 7.465.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 03096 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Từ S.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho Bà Nguyễn Thị C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BN;
- TAND thị xã Từ S;
- Chi cục THADS thành phố BN;
- Các đương sự
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Tính**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Đức Năm   Nguyễn Tuyết Mai**

**Nguyễn Văn Tính**